

Số: 68a/QĐ-MNAS

An Sơn, ngày 26 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Kế hoạch công khai theo
Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT Năm học 2024 - 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON AN SƠN

Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu trưởng quy định tại Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 Ban hành Điều lệ trường mầm non;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT - BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ vào tình hình thực tế của nhà trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế công khai trường mầm non An Sơn năm học 2024-2025 theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT gồm các ông (bà) có tên sau:

- Bà Nguyễn Thị Oanh - Hiệu trưởng
- Bà Trần Thị Yến - Chủ tịch Công đoàn
- Bà Nguyễn Thị Nhẹ - Phó hiệu trưởng
- Bà Trần Thị Thanh Bình - Phó hiệu trưởng
- Bà Trần Thị Phượng - Thanh tra nhân dân
- Bà Đỗ Thị Duyên - TTCM tổ mẫu giáo
- Bà Đỗ Thị Huế - TTCM tổ Nhà trẻ
- Bà Nguyễn Thị Huế - Bí thư Đoàn TN
- Bà Nguyễn Thị Thư - Kế toán, thư ký
- Bà Nguyễn Thị Thành Thơ - TPCM tổ MG
- Ông Nguyễn Đức Cân - Trưởng Ban đại diện cha mẹ học sinh

Điều 2. Ban Chỉ đạo có trách nhiệm tổ chức thực hiện, tổng kết, đánh giá và xây dựng thực hiện nhiệm vụ công khai theo Điều 4, 5, 6, 7 và điều 14, 15, 16 của Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

(Kèm theo bảng phân công nhiệm vụ cho các thành viên)

Điều 3. Các bộ phận chuyên môn, các đoàn thể, các ông (bà) có tên ở Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 1 (t/h);
- Lưu: VT.



Nguyễn Thị Khê

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN BAN CHỈ ĐẠO
THỰC HIỆN QUY CHẾ CÔNG KHAI NĂM HỌC 2024 - 2025
(Kèm theo Quyết định số 68a/QĐ-MNAS ngày 26/9/2024 của Hiệu trưởng trường Mầm non An Sơn)

TT	Họ tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	Bà Nguyễn Thị Khê	Hiệu trưởng	Trưởng ban phụ trách chung
2	Bà Trần Thị Yên	Chủ tịch Công đoàn	Mục I. Mẫu báo cáo thường niên phần thông tin chung gồm 8 nội dung
3	Bà Nguyễn Thị Nhệ	Phó hiệu trưởng	Phần II mục 2 thông tin về cơ sở vật chất. Tổng hợp các biểu mẫu, nội dung công khai
4	Bà Trần Thị Thanh Bình	Phó hiệu trưởng	Mục II phần 1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ
5	Bà Trần Thị Phượng	TBTTND trường học	Thực hiện nội dung giám sát công khai trong nhà trường, hoàn thiện các biểu mẫu
6	Bà Đỗ Thị Duyên	TTCM tổ MG	Phần II mục 3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng; mục 4. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình
7	Bà Đỗ Thị Huế	TTCM tổ NT	Phần II mục 3. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình
8	Bà Nguyễn Thị Huế	Bí thư đoàn NT	Phần II mục 5. Kế hoạch và hoạt động giáo dục mầm non
9	Bà Nguyễn Thị Thu	Kế toán	Phần III. Các khoản theo nguồn kinh phí (ngân sách, học phí, các khoản chi hỗ trợ HĐGD) năm học trước; dự kiến các khoản thu trong năm học 2024 – 2025 Thư ký tổng hợp; thực hiện báo cáo công khai khi cấp có thẩm quyền yêu cầu

10	Bà Nguyễn Thị Thành Thơ	TPCM mẫu giáo	Phần IV Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm
9	Ông Nguyễn Đức Cân	Trưởng BĐDCMHS	Công tác tuyên truyền chủ trương, kế hoạch, nội dung thực hiện Quy chế công khai cho Cha mẹ học sinh trong toàn trường

Số: 68b/KH - MNAS

An Sơn, ngày 26 tháng 9 năm 2024

KẾ HOẠCH
THỰC HIỆN QUY CHẾ CÔNG KHAI THEO
THÔNG TƯ SỐ 09/2024/TT-BGDĐT NĂM HỌC 2024 - 2025

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT - BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Căn cứ và tình hình thực tế của nhà trường trong năm học 2023 -2024 . Trường Mầm non An Sơn xây dựng kế hoạch công khai theo Thông tư số 09/2024/TT - BGDĐT như sau:

1. Mục đích yêu cầu

- Thực hiện công khai để phụ huynh học sinh, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội tham gia giám sát và đánh giá chất lượng của nhà trường.
- Thực hiện công khai nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.
- Việc thực hiện công khai của đơn vị phải đảm bảo đầy đủ các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định tại Quy chế này.

2. Nội dung công khai

2.1. Công khai thông tin chung về cơ sở giáo dục:

- Tên cơ sở giáo dục;
- Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ, thư điện tử, cổng thông tin điện tử.
- Loại hình của cơ sở giáo dục;
- Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục;
- Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục;
- Thông tin người đại diện pháp luật;
- Tổ chức bộ máy của đơn vị.

2.2. Thu, chi tài chính

- Tình hình tài chính năm liền kề, trong đó cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động:
 - + Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, học phí, lệ phí và các khoản thu từ người học; kinh phí tài trợ) và các hoạt động (giáo dục đào tạo; hoạt động khác).
 - + Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, tăng lương thêm; chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy trì sửa chữa, bảo

dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, chi các dịch vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ); chi hỗ trợ người học; chi khác.

+ Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, tất cả các khoản thu và mức thu học phí trong năm học, dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học.

- Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp, giảm học phí, chi phí học tập, hỗ trợ tiền ăn trưa theo quy định.

- Số dư các quỹ theo quy định (nếu có).

- Nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

3. Điều kiện chất lượng

3.1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

- Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;

- Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp;

- Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

3.2. Thông tin về cơ sở vật chất

- Diện tích đất xây dựng, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một trẻ em; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Số lượng, hạng mục thuộc các khối hành chính quản trị: khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em; khối phòng tổ chức ăn; khối phụ trợ; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Số lượng đồ chơi ngoài trời, một số thiết bị và điều kiện phục vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khác.

3.3. Thông tin kết quả đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng tự đánh giá.

- Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

- Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia.

4. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục

- Tên chương trình, quốc gia cung cấp;

- Tên cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục.

- Ngôn ngữ thực hiện các hoạt động giáo dục.

5. Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục mầm non;

- Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của cơ sở trong năm học.

- + Kế hoạch tuyển sinh;
- + Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục;
- + Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục mầm non với gia đình và xã hội;
- + Thực đơn hằng ngày của trẻ em;
- + Các dịch vụ giáo dục mầm non
- Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của

năm học trước:

- + Tổng số trẻ em; tổng số nhóm lớp; số trẻ em tính bình quân/nhóm lớp;
- + Số trẻ em học nhóm, lớp;
- + Số trẻ học 2 buổi/ngày;
- + Số trẻ ăn bán trú;
- + Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra

sức khỏe định kỳ;

- + Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục cho trẻ em 5 tuổi;
- + Số trẻ em khuyết tật.

3. Cách thức và thời gian công khai

3.1. Cách thức công khai

- Công khai trên trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục
- Các nội dung công khai theo mục 2 của Kế hoạch nêu trên.
- Báo cáo thường niên để công khai cho các bên liên quan tổng quan về kết quả hoạt động của các cơ sở giáo dục tính đến ngày 31/12 hằng năm theo định dạng file PDF.

- Nội dung công khai được quy định công khai trên trang tin điện tử <http://ns-mnanson.haiduong.edu.vn>. bảo đảm thuận lợi cho việc truy cập, tiếp cận thông tin.

+ Công khai niêm yết tại bảng tin nhà trường bảo đảm thuận lợi cho cán bộ, giáo viên, viên chức, người lao động, gia đình người học và các cá nhân có liên quan tiếp cận thông tin.

+ Phổ biến tại các cuộc họp phụ huynh học sinh đầu năm mới cho cán bộ, giáo viên, viên chức, người lao động, gia đình người học thông qua cuộc họp đầu năm.

- + Các hình thức công khai khác theo quy định của pháp luật.

3.2. Thời điểm công khai

- Trước ngày 30/6 hằng năm, trường hợp nội dung công khai có thay đổi đến ngày 30/6 hằng năm có thay đổi hoặc do quy định khác của pháp luật thì phải được cập nhật, bổ sung chậm nhất sau 10 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi thông tin hoặc từ ngày có thông tin chính thức.

- Thực hiện công khai kế hoạch giáo dục tháng, trước ngày 25 của tháng trước; kế hoạch giáo dục tuần, ngày tại góc tuyên truyền của lớp và dự kiến thực đơn hằng ngày/tuần của trẻ em trước ngày thứ 7 của tuần trước của học sinh bảng tin của, trang tin điện tử của nhà trường.

- Công bố báo cáo thường niên của năm trước liền kề theo quy định của mục 3.1 trong Kế hoạch nêu trên. Đối với số liệu liên quan đến báo cáo tài chính năm trước thì cập nhật tính hết đến thời gian quyết toán của cơ quan có thẩm quyền.

- Thời gian công khai trên cổng thông tin điện tử tối thiểu là 5 năm kể từ ngày công bố công khai. Thời gian niêm yết công khai 90 ngày và sau khi niêm yết phải lưu giữ tài liệu.

- Ngoài việc thực hiện công khai theo quy định nêu trên, cơ sở thực hiện công khai theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

4. Tổ chức thực hiện

Trách nhiệm của Ban chỉ đạo thực hiện quy chế công khai

- Hiệu trưởng: Căn cứ vào Kế hoạch, xây dựng và ban hành quy định cụ thể về công khai trong hoạt động của cơ sở trong thời gian 90 ngày.

+ Tổ chức thực hiện, tổng kết, đánh giá công tác công khai và xây dựng phương hướng, nhiệm vụ công khai trong thực hiện tổng kết, đánh giá công tác hằng năm hoặc (năm học) và phương hướng nhiệm vụ năm (hoặc năm học) tiếp theo của cơ sở giáo dục.

+ Báo cáo về công tác công khai khi có yêu cầu bằng văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

2. Các thành viên Ban chỉ đạo công khai công khai

- Các thành viên có trách nhiệm thực hiện nội dung công khai theo bảng phân công của Quyết định số 68a/QĐ-MNAS ngày 26/9/2024 của Hiệu trưởng trường Mầm non An Sơn.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện công tác công khai theo Thông tư số 09/204/TT-BGDĐT của trường Mầm non An Sơn yêu cầu Ban chỉ đạo thực hiện nghiêm túc kế hoạch, trong quá trình thực hiện có vướng mắc báo cáo trực tiếp cho đồng chí Hiệu trưởng nhà trường để được kịp thời giải quyết./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (b/c);
- CBGV, NV nhà trường;
- Ban đại diện cha mẹ học sinh;
- Lưu: VT.



Nguyễn Thị Khê

CÔNG KHAI
THEO THÔNG TƯ 09/2024/TT-BGDĐT NGÀY 03/6/2024
CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO- NĂM HỌC 2024 - 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở: trường mầm non An Sơn

2. Địa chỉ: thôn Cối Hung Sơn, xã An Sơn, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 0967032766

Website: <http://ns-mnanson.haiduong.edu.vn>

Email: mamnonanson@gmail.com

3. Loại hình, chức năng, nhiệm vụ

- Loại hình: Công lập

- Cơ quan quản lý: UBND huyện Nam Sách

- Giáo dục mầm non và thực hiện phổ cập GDMNTENT

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

- Sứ mạng: Tạo dựng môi trường chăm sóc, giáo dục trẻ thân thiện, có kỷ cương, nền nếp, giúp trẻ có kỹ năng trở thành một công dân toàn diện trong tương lai, xây dựng giá trị cốt lõi hướng đến tạo dựng uy tín, tạo lập niềm tin và khẳng định thương hiệu của nhà trường.

- Tầm nhìn: năm học 2024 -2025 trường Mầm non An Sơn tiếp tục giữ vững danh hiệu trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 và kiểm định chất lượng cấp độ 3.

- Mục tiêu: Dạy trẻ biết yêu thương, biết chia sẻ, nuôi dưỡng tư duy tích cực; phát triển kỹ năng công dân toàn cầu trong tương lai. Trách nhiệm của nhà trường là “Nhân Ái – Thân thiện - Trách nhiệm - Hợp tác - Sáng tạo”.

5. Quá trình thành lập và phát triển

- Trường được thành lập từ năm 1962, Trường có 01 điểm, tổng diện tích 14.500m², bình quân 40m²/trẻ . Khuôn viên trường rộng rãi thoáng mát, cảnh quan môi trường xanh - sạch-an toàn - thân thiện đảm bảo theo Thông tư số 13/2020/TT- BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GD&ĐT.

Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm của các cấp, các ngành, chính quyền địa phương, các bậc phụ huynh học sinh trong việc đầu tư kinh phí hỗ trợ cơ sở vật chất để từng bước phát triển, nâng cao vị thế.

Năm 2018 trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1, KĐCLGD cấp độ 2. Năm 2024 thực hiện nâng chuẩn Quốc gia mức độ 2 và kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3.

Với sự cố gắng nỗ lực của tập thể cán bộ giáo viên, sự chung tay của các bậc phụ huynh, sự chăm ngoan của các bé trong những năm học qua trường đều đạt tập thể Lao động tiên tiến.

6. Thông tin đại diện pháp luật

Người đại diện pháp luật: Nguyễn Thị Khê

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Mầm non An, thôn Cối Hưng Sơn, xã An Sơn, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương. Số điện thoại: 0394533719

Email: nguyenkhe15@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định chuyển đổi tên trường: Quyết định số 2541/QĐ-UBND ngày 05/11/2012 Quyết định về việc chuyển đổi trường Mầm non bán công An Sơn thành trường Mầm non công lập An Sơn.

b) Quyết định công nhận Hội đồng trường, Chủ tịch Hội đồng trường và các thành viên Hội đồng trường

- Quyết định số 2355/QĐ-UBND ngày 25/10/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Nam Sách về việc kiện toàn Hội đồng trường Trường Mầm non An Sơn nhiệm kì 2021-2026.

Danh sách thành viên hội đồng trường

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh
1	Bà Nguyễn Thị Khê	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Bà Trần Thị Thanh Bình	Phó Hiệu trưởng	Thư ký
3	Bà Nguyễn Thị Nhẹ	Phó Hiệu trưởng	Thành viên
4	Bà Trần Thị Yến	Chủ tịch công đoàn	Thành viên
5	Bà Nguyễn Thị Hué	Bí thư chi đoàn	Thành viên
6	Bà Đỗ Thị Duyên	TTCM tổ mẫu giáo	Thành viên
7	Bà Đỗ Thị Hué	TTCM Nhà trẻ	Thành viên
8	Ông Nguyễn Văn Thụ	Công chức xã	Thành viên
9	Ông Nguyễn Đức Cân	Trưởng Ban đại diện CMHS	Thành viên

c) Quyết định Hiệu trưởng: Quyết định số 4841/QĐ-UBND 01/01/2021 Quyết định điều động và bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý đối với bà Nguyễn Thị Khê giữ chức vụ Hiệu trưởng

- Quyết định điều động Phó hiệu trưởng Quyết định số 2003/QĐ-UBND ngày 30/8/2023 Quyết định điều động và bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý đối với bà Nguyễn Thị Nhẹ.

- Quyết định điều động Phó hiệu trưởng Quyết định số 2004/QĐ-UBND ngày 30/8/2023 Quyết định điều động và bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý đối với bà Trần Thị Thanh Bình.

d) Quy chế tổ chức hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng; nhiệm vụ; quyền

hạn; sơ đồ bộ máy của cơ sở giáo dục

Quy chế tổ chức hoạt động; chức năng; nhiệm vụ; quyền hạn

- Xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bảo đảm phù hợp điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, tầm nhìn, sứ mệnh và các giá trị cốt lõi của nhà trường.

- Tổ chức thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ 03 tháng tuổi đến 06 tuổi theo chương trình giáo dục mầm non do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Chủ động đề xuất nhu cầu, tham gia tuyển dụng cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường công lập; quản lý, sử dụng cán bộ, giáo viên, nhân viên để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định. Công bố công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục.

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của nhà trường trong quản lý hoạt động giáo dục.

- Huy động trẻ em lứa tuổi mầm non đến trường; quản lý trẻ em; tổ chức giáo dục hòa nhập cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em khuyết tật; thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi trong phạm vi được phân công; thực hiện hỗ trợ các cơ sở giáo dục mầm non khác trên địa bàn nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động giáo dục theo phân công của cấp có thẩm quyền.

- Huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực theo quy định của pháp luật; xây dựng cơ sở vật chất theo yêu cầu chuẩn hóa, hiện đại hóa.

- Tham mưu với chính quyền, phối hợp với gia đình hoặc người chăm sóc trẻ em và tổ chức, cá nhân để thực hiện hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

- Tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ em tham gia các hoạt động phù hợp trong cộng đồng.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Sơ đồ bộ máy tổ chức của cơ sở

+ Hội đồng trường: 09 thành viên

+ 01 Hiệu trưởng và 02 Phó hiệu trưởng

+ 01 Hội đồng thi đua

+ Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam có: 01 Chi bộ, 32 Đảng viên

+ Tổ chức Công đoàn có 40 đoàn viên

+ Tổ chức Chi đoàn có 12 đoàn viên

đ) Họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ hòm thư, nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường

TT	Họ tên	Chức vụ	Điện thoại	Thư điện tử
----	--------	---------	------------	-------------

1	Nguyễn Thị Khê	HT	0394533719	nguyenkhe15@gmail.com
2	Nguyễn Thị Nhẹ	PHT	0385173322	nhehongphong@gmail.com
3	Trần Thị Thanh Bình	PHT	0984538736	thanhbinhmnc@gmail.com

Địa chỉ, nơi làm việc: trường Mầm non An Sơn, địa chỉ thôn Cối Hưng Sơn, xã An Sơn, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

8. Các văn bản khác

- Chiến lược phát triển nhà trường: Nhà trường đã xây dựng chiến lược phát triển giai đoạn 2020 – 2025, 2025-2030.

- Quy chế làm việc: Quy chế số 64/QC-TrMn ngày 12/9/2024 Quy chế làm việc trong hoạt động của nhà trường.

- Quy chế Hội đồng trường: Quyết định số 60k/QĐ-MNAS ngày 9/09/2024 Ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng trường nhiệm kỳ 2021 - 2026.

- Quy định bổ nhiệm chức danh tổ trưởng, tổ phó chuyên môn: Quyết định số 58c/QĐ-MNAS ngày 15/8/2024 Quy định bổ nhiệm chức danh tổ trưởng, tổ phó chuyên môn.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ

Ban giám hiệu có năng lực quản lý, có chiến lược tầm nhìn, tư tưởng vững vàng, tích cực đổi mới, sáng tạo trong quản trị nhà trường.

Đội ngũ giáo viên đảm bảo về trình độ, có năng lực, chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, nhiệt tình, tâm huyết, say mê trong công việc, yêu nghề mến trẻ.

Nhà trường luôn quan tâm xây dựng chất lượng đội ngũ; coi việc nâng cao chất lượng đội ngũ là nhiệm vụ hàng đầu để bắt kịp với xu thế giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

a) Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đầu năm học 2024 -2025, cụ thể:

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo			
			ThS	ĐH	CĐ	Chưa qua đào tạo
	Tổng số CBGVNV	41		33	4	4
I	Giáo viên	33		29	4	
1	Nhà trẻ	9		8	1	
2	Mẫu giáo	24		21	3	
II	Cán bộ quản lý	3		3		
1	Hiệu trưởng	1		1		
2	Phó hiệu trưởng	2		2		
III	Nhân viên	5		1		

1	Nhân viên văn thư	0			
2	Nhân viên kế toán	1		1	
3	Thủ quỹ	0			
4	Nhân viên y tế	0			
5	Nhân viên cấp dưỡng	3			3
6	Bảo vệ	1			1
7	Lao công	0			

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

STT	Nội dung	Năm học 2023 - 2024	
		Số lượng	Tỷ lệ
1	Cán bộ quản lý	3	100%
2	Giáo viên	32	100%

c) Số lượng, tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định

STT	Nội dung	Năm học 2023 - 2024	
		Số lượng	Tỷ lệ
1	Cán bộ quản lý	3	100%
2	Giáo viên	32	100%

2. Thông tin về cơ sở vật chất

a) Diện tích khu đất, điểm trường, bình quân tối thiểu:

- Tổng diện tích đất 14.500 m²

b) Số lượng, hạng mục công trình

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
1	Diện tích khu đất xây dựng	3.390m ²	10m ² /trẻ
	Điểm trường	01	
2	Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng		
2.1	Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ		
	Phòng học (nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ)	16	3,4 m ² /trẻ
	Phòng vệ sinh	16	0,3 m ² /trẻ
2.2	Khối phòng phục vụ học tập		
	Âm nhạc	1	0,2 m ² /trẻ
	Phòng thể chất	1	0,2 m ² /trẻ
	Phòng đa năng	1	0,2 m ² /trẻ
	Phòng STEAM	1	0,2 m ² /trẻ

	Phòng tin học – ngoại ngữ	1	0,2 m ² /trẻ
2.3	Khối phòng tổ chức ăn		
	Nhà bếp	1	0,2 m ² /trẻ
	Nhà kho	1	10m ²
2.4	Khối phòng hành chính, quản trị		
	Phòng hiệu trưởng	1	30 m ²
	Phòng phó hiệu trưởng	2	15 m ²
	Phòng kế toán	1	15 m ²
	Phòng y tế	1	15 m ²
	Phòng hội trường	1	75 m ²
	Phòng bảo vệ	2	15 m ²
	Phòng nhân viên	1	15 m ²
2.5.	Khối công trình phụ trợ		
1	Nhà xe giáo viên	1	100 m ²
2	Số lượng thiết bị đồ dùng, đồ chơi hiện có	250	
3	Số lượng đồ chơi ngoài trời	7	
4	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác		
	Ti vi	18	
	Máy vi tính văn phòng	4	
	Máy chiếu	1	
	Điều hòa	42	

3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng

a) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận Kiểm định chất lượng giáo dục

- Hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục sau đánh giá để khắc phục những hạn chế nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em. Kết quả tự đánh giá KĐCL cấp độ 3, đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt KĐCLGD, đạt chuẩn quốc gia:

- Quyết định số 1674/QĐ-UBND ngày 11/7/2024 Quyết định công nhận trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2; Quyết định số 729/QĐ-SGDĐT ngày 04/7/2024 Quyết định về việc công nhận trường học đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3.

4. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình

a) Tên chương trình, quốc gia cung cấp: Chương trình GDMN theo văn bản hợp nhất số 01/VBHT-BGDĐT ngày 13/4/2021 Thông tư Ban hành chương trình giáo dục mầm non

- b) Tên cơ quan tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục: Bộ Giáo dục và Đào tạo
 c) Ngôn ngữ thực hiện các hoạt động khác: Cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh theo Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT Ban hành chương trình làm quen tiếng Anh dành cho trẻ mẫu giáo (Phòng tin học - ngoại ngữ).

5. Kế hoạch và hoạt động giáo dục mầm non

a) Kết quả tuyển sinh năm học 2024 -2025

Nhóm, lớp	Kế hoạch PGD giao		Số lớp, số trẻ chuyển lên lớp		Số trẻ tuyển bổ sung		Trẻ khuyết tật
	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	
1. Khối nhà trẻ							
25 - 36 tháng	4	89	4	6	4	36	0
2. Khối MG							
Khối 3 - 4 tuổi	4	89	4	76	4	13	0
Khối 4 - 5 tuổi	4	116	4	115	4	1	01
Khối 5 - 6 tuổi	4	101	4	101	4	0	01
Tổng số	16	390	16	298	16	50	0

Thời gian tuyển sinh: từ tháng 8/2024 đến khi đủ chỉ tiêu

b) Kế hoạch chăm sóc, giáo dục

STT	Nội dung	Năm học 2024 - 2025
1	Tổng số lớp	16
2	Tổng số trẻ	348
3	Số trẻ bình quân/nhóm (lớp)	
	Nhà trẻ	42
	Mẫu giáo	306
4	Số trẻ học 2 buổi/ngày	348
5	Số trẻ được tổ chức ăn bán trú	348
6	Số trẻ được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ	348
7	Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5T	101
8	Số trẻ khuyết tật	02

III. Kết quả công khai tài chính

1. Các khoản theo nguồn kinh phí (ngân sách, học phí) năm 2023

STT	NỘI DUNG/ NGUỒN CHI	KINH PHÍ THƯỜNG XUYÊN TỰ CHỦ	KINH PHÍ THƯỜNG XUYÊN KHÔNG TỰ CHỦ
I	MỤC LỤC NGÂN SÁCH		
1	DỰ TOÁN NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG	0	0

2	DỰ TOÁN GIAO ĐẦU NĂM	3.681.660.000	268.680.000
3	DỰ TOÁN BỔ SUNG	44.442.200	157.117.500
4	DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH (GIẢM)	0	0
	DỰ TOÁN THU (1+2+3-4)	3.726.102.200	425.797.500
II	QUYẾT TOÁN CHI		
	I. Kinh phí thường xuyên/tự chủ	3.726.102.200	
		1.453.912.974	
1	Tiền lương		
2	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	374.215.402	
3	Phụ cấp lương	965.881.371	
4	Các khoản đóng góp	485.354.350	
5	Thanh toán dịch vụ công cộng	31.297.608	
6	Vật tư văn phòng	14.234.600	
7	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	9.919.155	
8	Công tác phí	8.100.000	
9	Chi phí thuê mướn	120.229.200	
10	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	12.867.000	
11	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	14.890.000	
12	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	134.130.540	
13	Chi khác	101.070.000	
14	Chi lập các quỹ của đơn vị thực hiện khoán chi và đơn vị sự nghiệp có thu theo chế độ quy định	0	
	II. Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ		425.797.500
1	Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học		15.390.000
2	Sửa chữa, duy trì tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng		195.488.932
3	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn		82.057.040
4	Chi khác		67.007.500
	DỰ TOÁN CÒN LẠI	0	0
	CHUYỂN SANG NĂM 2024	0	0
	KINH PHÍ HUỖ	0	0

2. Nguồn dịch vụ

**QUYẾT TOÁN
CÁC KHOẢN THU CHI CÁC DỊCH VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGOÀI HỌC PHÍ
NĂM HỌC 2023 - 2024**

ĐVT:
Đồng

TT	Diễn giải	Số dư năm học trước chuyển sang	Mức thu	Tổng thu	Tổng chi	Nộp vào tài khoản KBNN	Trả lại tiền PHHS	Dư chuyển sang năm sau	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9=3+5-6-7-8	
I	Các khoản thu theo quy định								
	Tiền học phí			361.951.250	0	556.175.000	0	0	
1	Học phí nhà trẻ		125.000	64.531.250			0		
	Học phí mẫu giáo		105.000	297.420.000			0		
II	Các khoản thu định mức								
1	- Tiền ăn bán trú	0		1.040.621.000	1.040.621.000				
	- Tiền ăn		17.000	1.040.621.000	1.040.621.000				
2	Tiền chăm sóc phục vụ bán trú	0	240.000	812.412.000	812.412.000				
	Điện, nước, chất đốt, phụ phí	0	65.000	220.236.250	220.236.250				
	- Chi tiền điện				37.022.130				
	- Chi tiền nước sạch				60.057.600				
	-Tiền GAS				42.075.000				
3	- Chi tiền mua các đồ dùng phục vụ sinh hoạt BT như (giấy VS, nước rửa chén, lau sàn, tẩy rửa,)				81.048.500				
4	Tiền đồ dùng bán trú	0	200.000	21.500.000	21.500.000			0	

5	Vệ sinh trường lớp	0	0	0	67.765.000	67.765.000	0	0
	- Chi thuê thu dọn, phân loại rác,...					13.765.000		
	- Chi mua đồ dùng VS, phụ phí phục vụ VS trường lớp					13.765.000		
	- Chi dọn vệ sinh lớp học, hành lang lớp					36.000.000		
6	Nước uống tinh khiết cho trẻ	0	0	0	16.937.760	16.937.760	0	0
	Đồ dùng, đồ chơi, thiết bị	0			98.398.000	98.398.000		
7	Nhà trẻ				12.700.000			
	3-4 tuổi				54.750.000			
	5 tuổi				30.948.000			
III	Các khoản thu không quy định mức thu mức trần							
1	Tiền điện điều hòa				21.169.964	21.169.964		
IV	Thu hộ - Chi hộ							
	Bảo hiểm thân thể				77.600.000	77.600.000		
1	- Học sinh			200.000	71.300.000	71.300.000		
	- Giáo viên			300.000	6.300.000	6.300.000		
	Bản giao tiền BHYT cho công ty Bảo Việt Hải Dương				77.600.000	77.600.000		

3. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với người thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm 2023

TT	NỘI DUNG	NĂM TRƯỚC CHUYỂN NGƯỜN SANG	DỰ TOÁN NĂM 2023	SỐ BỘ SUNG NĂM 2023	TỔNG KINH PHÍ ĐƯỢC SỬ DỤNG	TỔNG SỐ QUYẾT TOÁN	SỐ KINH PHÍ HƯ Y	KINH PHÍ CHUYỂN SANG NĂM 2024
1	2	4	5	6	7=4+5+6	8=7-10-11	10	11
	TỔNG CỘNG	0	0	20.587.500	20.587.500	20.587.500	0	0
I	Khởi Mầm non (Chi phí học tập + cấp bù học phí)	0	0	11.947.500	11.947.500	11.947.500	0	0
1	MN An Sơn	-		11.947.500	11.947.500	11.947.500	0	0
II	Hỗ trợ tiền ăn cho trẻ em từ 3-5 tuổi	0	0	8.640.000	8.640.000	8.640.000	0	0
1	MN An Sơn	-		8.640.000	8.640.000	8.640.000	0	0

4. Công khai số dư các quỹ để lại năm 2023

STT	Chi lập các quỹ của đơn vị thực hiện khoản chi và đơn vị sự nghiệp có thu theo chế độ quy định	Số tiền
1	Quỹ bổ sung thu nhập, Quỹ dự phòng ôn định thu nhập	0
2	Quỹ phúc lợi	0
3	Quỹ khen thưởng	0
4	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	0
	Tổng số	0

2. Công khai các khoản thu dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí dự kiến năm học 2024 – 2025:

tt	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
1	Tiền học phí			
	Tiền học phí	đồng/trẻ/tháng	Nhà trẻ: 125.000đ MG: 3T, 4T: 105.000đ	Nghị Quyết 17/2024/NQ- HĐND
2	Bán trú			
2.1	Tiền ăn (nhà trẻ: 2 bữa chính, 1 bữa phụ; mẫu giáo: 1 bữa chính, 1 bữa phụ)	đồng/trẻ/ngày	20.000đ	Nghị Quyết 17/2024/NQ- HĐND
2.2	Phụ phí (chất đốt, điện, nước phục vụ bán trú, nước tẩy, rửa)	đồng/trẻ/tháng	65.000đ	
2.3	Chăm sóc, phục vụ bán trú (trả người nấu ăn, nhân viên cấp dưỡng, trông trưa, quản lý)	đồng/trẻ/tháng	240.000đ	
2.4	Tiền mua sắm dụng cụ, đồ dùng phục vụ nấu ăn và đồ dùng cá nhân cho học sinh (trẻ) bán trú lần đầu (từ thời điểm ăn bán trú đến hết khóa học)	đồng/trẻ/khóa học	200.000đ	
3	Vệ sinh trường, lớp, nhà vệ sinh	đồng/trẻ/tháng	20.000đ	
5	Khoản thu không quy định mức thu, mức trần			
	Tiền điện điều hoà phục vụ trực tiếp cho nhu cầu trẻ	đồng/trẻ/tháng	Theo thực tế số điện năng sử dụng	

VI. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

- Tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản trị nhà trường đảm bảo dân chủ, kỷ cương, nền nếp, chất lượng, hiệu quả gắn với trách nhiệm của mỗi thành viên trong thực hiện nhiệm vụ.

- Thực hiện nghiêm túc công tác bảo đảm an toàn cho trẻ em; đổi mới, nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN gắn với phát triển chương trình giáo dục nhà trường phù hợp với điều kiện trường, lớp, địa phương nhu cầu khả năng của trẻ em.

- Cân đối nguồn kinh phí đầu tư sửa chữa CSVC, mua sắm thiết bị đồ dùng thực hiện Chương trình GDMN, đảm bảo các điều cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi, tài liệu, học liệu đáp ứng yêu cầu đổi mới GDMN hiện hành; thực hiện các giải pháp huy động trẻ đến trường, hướng đến thực hiện phổ cập GDMN trẻ em mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi; duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo 5 tuổi.

- Bố trí cơ cấu giáo viên phù hợp, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CBQLGVNV đảm bảo có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ; tham mưu các cấp tuyển đủ số lượng giáo viên theo quy định;

thực hiện đúng quy trình đánh giá, bồi dưỡng CBQL, GVMN theo chuẩn nghề nghiệp GVMN và chuẩn Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng.

- Đẩy mạnh các giải pháp xã hội hóa GDMN để đảm bảo các điều kiện nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ đáp ứng yêu cầu giáo dục.

- Tăng cường tuyên truyền về GDMN với nhiều hình thức; triển khai hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), chuyển đổi số (CĐS) trong quản trị nhà trường; góp phần nâng cao chất lượng thực hiện tốt chương trình giáo dục mầm non.

- Giữ vững trường đạt KĐCLGD mức độ 3 và trường đạt chuẩn quốc gia cấp độ

2.

Trên đây là báo cáo công khai theo Thông tư số 09/2024/BGDĐT của trường Mầm non An Sơn năm học 2024 - 2025./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (b/c);
- Ban đại diện CMHS nhà trường;
- CBGV, NV nhà trường;
- Lưu: VT.



Nguyễn Thị Khê

Số: 69c/QĐ - MNAS

An Sơn, ngày 30 tháng 09 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố công khai theo Thông tư 09/2024/TT - BGDĐT
Của trường Mầm non An Sơn Năm học 2024 - 2025**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON AN SƠN

Căn cứ Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Điều lệ Trường Mầm non;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT - BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ vào Quyết định số 68a/QĐ-MNAS ngày 26/9/2024 V/v thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Kế hoạch công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 26/9/2024 của trường Mầm non An Sơn; Kế hoạch số 68b/KH - MNAS ngày 26/9/2024 Kế hoạch thực hiện quy chế công khai trong nhà trường năm học 2024 - 2025; Báo cáo số 69c/BC-MNAS ngày 30/9/2024 của trường Mầm non An Sơn công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT năm học 2024 -2025;

Xét đề nghị của bộ phận chuyên môn trường Mầm non An Sơn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai Kế hoạch thực hiện quy chế công khai theo; Báo cáo công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

(kèm Kế hoạch; báo cáo công khai).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các bộ phận chuyên môn, đoàn thể, CBQL, TNND, TCM, kế toán liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.



Nguyễn Thị Khê

BIÊN BẢN
Niêm yết công khai Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT
Năm học 2024 -2025

Hôm nay, hồi 14h 00 phút ngày 30 tháng 09 năm 2024, tại văn phòng trường Mầm non An Sơn tiến hành lập Biên bản niêm yết công khai Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT theo Quyết định số 68a/QĐ-MNAS ngày 26/09/2024 của trường Mầm non An Sơn Ban chỉ đạo như sau:

I. Thành phần

1. Bà Nguyễn Thị Oanh - Hiệu trưởng
2. Bà Trần Thị Yến - Chủ tịch Công đoàn
3. Bà Nguyễn Thị Nhẹ - Phó hiệu trưởng
4. Bà Trần Thị Thanh Bình - Phó hiệu trưởng
5. Bà Trần Thị Phượng - Thanh tra nhân dân
6. Bà Đỗ Thị Duyên - TTCM tổ mẫu giáo
7. Bà Đỗ Thị Huế - TTCM tổ Nhà trẻ
8. Bà Nguyễn Thị Huế - Bí thư Đoàn TN
9. Bà Nguyễn Thị Thư - Kế toán, thư ký
10. Bà Nguyễn Thị Thành Thơ - TPCM tổ MG
11. Ông Nguyễn Đức Cân - Trưởng Ban đại diện cha mẹ học sinh

II. Nội dung

Đã cùng nhau tiến hành thiết lập biên bản về việc niêm yết công khai theo Thông tư số 09/2024/TT – BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo với những nội dung như sau:

1. Hình thức

- Niêm yết tại trụ sở làm việc (yết tại nơi thuận tiện cho mọi người trong cơ quan, đơn vị, cha mẹ phụ huynh học sinh và nhân dân biết)
- Trang website của nhà trường (đảm bảo thuận lợi cho việc truy cập, tiếp cận thông tin), theo link <http://ns-mnanson.haiduong.edu.vn>.

2. Nội dung công khai

(Kèm theo Báo cáo số 69c/BC-MNAS ngày 30/9/2024 của trường Mầm non An Sơn báo cáo Công khai theo Thông 09/2024/TT-BGDĐT)

3. Thời gian niêm yết

- Bảng tin 90 ngày kể từ ngày công bố công khai (ngày 30/9/2024 đến

30/12/2024)

+ Yêu cầu niêm yết: trong suốt quá trình niêm yết, không được tháo gỡ, bôi, tẩy xóa hay thay đổi nội dung. Nếu có ý kiến góp ý liên quan đến nội dung công khai xin liên hệ với Đ/c hiệu trưởng: Nguyễn Thị Khê (số ĐT: 0394533719).

+ Kết thúc 90 ngày công khai nhà trường thực hiện tháo dỡ niêm yết công khai và lưu trữ vào hồ sơ công khai.

- Trang website: thời gian 5 năm kể từ ngày công bố công khai (ngày 30/9/2024 đến 17 giờ ngày 30/9/2029).

Biên bản lập xong hồi 16h30 cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua và nhất trí 100%, không có ý kiến nào khác tất cả mọi người đều ký tên./.

THƯ KÝ

Nguyễn Thị Thu



Nguyễn Thị Khê

Chữ ký các thành viên

Trần Thị Thanh Bình

Trần Thị Phương

Nguyễn Thị Thanh Thảo

Nguyễn Thị Ngọc Huyền

Trần Thị Yên

Đỗ Thị Duyên

Đỗ Thị Huệ

Nguyễn Thị Huệ

Nguyễn Thị Cẩm Tâm